



Rx  
**GANFORT®**  
 Dung dịch nhỏ mắt  
 Bimatoprost 0,3 mg/mL và timolol 5,0 mg/mL



Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thông báo cho bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Để xa tầm tay trẻ em.

## THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi mL chứa:

Thành phần hoạt chất: Bimatoprost 0,3 mg và timolol 5 mg tương đương với timolol maleat 6,8 mg.

Thành phần tá dược: Benzalkonium chlorid, natri chlorid, dibasic natri phosphat heptahydrat, acid citric monohydrat, acid hydrochloric hoặc natri hydroxid (để điều chỉnh pH), nước tinh khiết.

## DẠNG BẢO CHẾ

Dung dịch nhỏ mắt.

## CHỈ ĐỊNH

Làm giảm áp suất nội nhãn (IOP) ở bệnh nhân bị glaucoma góc mở hoặc tăng nhãn áp không đáp ứng đầy đủ với các thuốc chẹn beta hoặc các chất tương tự prostaglandin dùng tại chỗ.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

### Thuốc nhỏ mắt

GANFORT® được chỉ định dùng tại chỗ cho mắt.

Cũng như với bất kỳ thuốc nhỏ mắt nào, để giảm khả năng hấp thu toàn thân, khuyến cáo nên ấn vào túi lệ ở góc mắt trong (bít điểm lệ) trong ít nhất 1 phút. Nên thực hiện điều này ngay sau khi nhỏ vào mỗi mắt (Thực hành y khoa chuẩn).

Liều khuyến cáo cho GANFORT® là 1 giọt vào mắt bệnh 1 lần/ngày, dùng vào buổi sáng hoặc buổi tối. Nên dùng thuốc vào cùng một thời điểm mỗi ngày.

Một số dữ liệu y văn hiện có về GANFORT® cho thấy dùng thuốc vào buổi tối có thể có hiệu quả hơn trong việc làm hạ áp suất nội nhãn so với dùng vào buổi sáng. Tuy nhiên, nên xem xét khả năng tuân thủ việc dùng thuốc khi cân nhắc dùng vào buổi sáng hoặc buổi tối.

Nếu quên 1 liều, nên tiếp tục điều trị với liều kế tiếp như đã định. Không được vượt quá liều dùng là một giọt vào mắt bệnh mỗi ngày.

Nếu dùng nhiều hơn một loại thuốc dùng tại chỗ đường mắt, phải nhỏ các thuốc khác nhau cách nhau ít nhất 5 phút.

### Sử dụng ở trẻ em

Độ an toàn và hiệu quả của GANFORT® chưa được xác định ở bệnh nhi.

### Sử dụng ở người cao tuổi

Chưa quan sát thấy sự khác biệt tổng thể về độ an toàn và hiệu quả giữa bệnh nhân người lớn cao tuổi và các bệnh nhân người lớn khác.

### Bệnh nhân suy gan hoặc suy thận

Chưa có nghiên cứu về GANFORT® trên bệnh nhân suy gan hoặc suy thận. Vì vậy cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân này.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chống chỉ định dùng GANFORT® ở những bệnh nhân có các tình trạng sau:

- Quá mẫn cảm với các hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần nào của tá dược.
- Bệnh đường hô hấp tái hoạt bao gồm cả hen phế quản hoặc có tiền sử hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính nặng.
- Nhịp tim chậm xoang, hội chứng nút xoang bệnh lý (sick sinus syndrome), bloc xoang nhĩ, bloc nhĩ thất độ II hoặc độ III không được kiểm soát bằng máy tạo nhịp tim, suy tim rõ, sốc do tim.

## CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG

Cần thận trọng khi sử dụng GANFORT® ở bệnh nhân bị viêm nội nhãn hoạt động (ví dụ: viêm màng bồ đào) vì tình trạng viêm có thể trầm trọng hơn.

Phù hoàng điểm, bao gồm phù hoàng điểm dạng nang đã được báo cáo trong khi điều trị bằng GANFORT®. Nên thận trọng khi dùng GANFORT® cho bệnh nhân không có thủy tinh thể, bệnh nhân có thủy tinh thể nhân tạo với bao sau thủy tinh thể bị rách, hoặc những bệnh nhân đã biết có yếu tố nguy cơ về phù hoàng điểm (ví dụ: phẫu thuật trong mắt, tắc nghẽn tĩnh mạch võng mạc, bệnh viêm mắt và bệnh võng mạc do đái tháo đường).

Đã quan sát thấy được sự tăng sắc tố ở mống mắt sau khi điều trị bằng GANFORT®. Bệnh nhân cần được thông báo về khả năng tăng sắc tố màu nâu ở mống mắt, có thể là vĩnh viễn. Sự thay đổi sắc tố là do tăng hàm lượng melanin trong tế bào melanin, hơn là tăng số lượng tế bào melanin. Ảnh hưởng lâu dài của sự tăng sắc tố ở mống mắt chưa được biết. Sự thay đổi màu của mống mắt được ghi nhận khi dùng bimatoprost tại mắt có thể không được chú ý trong vài tháng đến nhiều năm. Cả nốt nổi (nevus) và các đốm sắc tố nâu (freckle) trong mống mắt dường như đều không bị ảnh hưởng do điều trị.

GANFORT® đã được báo cáo gây ra các thay đổi đối với mô nhiễm sắc tố.

Thay đổi về sắc tố đã được báo cáo thường gặp nhất là tăng sắc tố của da quanh mắt và sạm màu lông mi. Nhiễm sắc tố quanh ổ mắt đã được báo cáo là có hồi phục ở một số bệnh nhân.

Có khả năng phát triển lông ở những vùng dung dịch GANFORT® tiếp xúc lặp lại với bề mặt da. Vì vậy, điều quan trọng là nhỏ GANFORT® theo chỉ dẫn và tránh để thuốc chảy trên má hoặc những vùng da khác.

Trong các nghiên cứu về dung dịch nhỏ mắt bimatoprost 0,03% ở bệnh nhân bị glaucoma hoặc tăng nhãn áp, đã chứng minh được rằng việc tiếp xúc với mắt thường xuyên với hơn 1 liều bimatoprost mỗi ngày có thể làm giảm tác dụng làm hạ áp suất nội nhãn. Nên theo dõi áp suất nội nhãn ở những bệnh nhân sử dụng dung dịch nhỏ mắt bimatoprost với các chất tương tự prostaglandin khác.

GANFORT® chưa được nghiên cứu trên các bệnh nhân bị các tình trạng viêm nhãn cầu, glaucoma tân mạch, glaucoma đỏ viêm, glaucoma góc đóng, glaucoma bẩm sinh hoặc glaucoma góc hẹp.

Cũng như với các thuốc dùng tại chỗ cho mắt, các hoạt chất bimatoprost và timolol trong GANFORT® có thể được hấp thu toàn thân. Chưa quan sát thấy sự tăng hấp thu toàn thân của các hoạt chất riêng rẽ.

Do thành phần beta-adrenergic là timolol, các phản ứng phụ điển hình của thuốc chẹn thụ thể beta-adrenergic toàn thân có thể xảy ra, bao gồm các phản ứng sau:

**Phản vệ:** Trong khi dùng thuốc chẹn beta, những bệnh nhân có tiền sử dị ứng hoặc tiền sử phản ứng phản vệ nặng với nhiều chất gây dị ứng thì có thể có phản ứng nhiều hơn với việc dùng lặp lại các chất gây dị ứng trên. Những bệnh nhân này có thể không đáp ứng với liều epinephrin thông thường được sử dụng để điều trị phản ứng phản vệ.

**Rối loạn tim:** Mặc dù hiếm gặp, nhưng các tác dụng trên tim mạch đã được báo cáo, bao gồm cả tử vong do suy tim. Cần thận trọng khi sử dụng GANFORT® ở bệnh nhân bị bệnh tim mạch (ví dụ: bệnh mạch vành, đau thắt ngực kiểu Prinzmetal, bloc tim độ I và suy tim) và hạ huyết áp. Những bệnh nhân có tiền sử bệnh tim mạch cần được theo dõi về các dấu hiệu xấu đi của những bệnh này.

**Rối loạn hô hấp:** Mặc dù hiếm, các phản ứng hô hấp đã được báo cáo, kể cả tử vong, do co thắt phế quản.

GANFORT® nên được chỉ định thận trọng ở những bệnh nhân bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính mức độ nhẹ và trung bình.

**Bệnh đái tháo đường:** Cần thận trọng khi dùng thuốc chẹn beta-adrenergic cho bệnh nhân bị hạ đường huyết tự phát hoặc bệnh nhân đái tháo đường (đặc biệt là những người bị đái tháo đường không ổn định) vì thuốc chẹn thụ thể beta-adrenergic có thể che lấp các dấu hiệu và triệu chứng của hạ đường huyết cấp tính.

**Cường tuyến giáp:** Thuốc chẹn beta-adrenergic có thể che lấp các dấu hiệu của cường tuyến giáp.

**Bệnh giác mạc:** Thuốc chẹn beta dùng cho mắt có thể gây khô mắt. Cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân bị bệnh giác mạc.

**Bong màng mạch:** Bong màng mạch sau thủ thuật lọc đã được báo cáo với việc sử dụng trị liệu ức chế thủy dịch (ví dụ timolol).

**Các thuốc chẹn beta khác:** Cần thận trọng khi sử dụng đồng thời với thuốc chẹn beta-adrenergic toàn thân do khả năng có tác dụng cộng hưởng trên sự phong bế beta toàn thân. Nên theo dõi chặt chẽ đáp ứng của những bệnh nhân này. Không khuyến cáo việc sử dụng 2 thuốc chẹn beta-adrenergic dùng tại chỗ.

**Gây mê phẫu thuật:** Thuốc chẹn beta dùng cho mắt có thể làm giảm nhịp tim nhanh bù trừ và tăng nguy cơ hạ huyết áp khi sử dụng kết hợp với thuốc gây mê. Bác sĩ gây mê phải được thông báo nếu bệnh nhân đang sử dụng GANFORT®.

**Chức năng gan và thận:** GANFORT® chưa được nghiên cứu ở bệnh nhân suy gan hoặc suy thận; cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân này.

**Rối loạn mạch:** Cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân bị rối loạn tuần hoàn ngoại biên nặng (tức là hiện tượng Raynaud).

### Sử dụng kính sát trùng

Những bệnh nhân đang mang kính sát trùng mềm (ưa nước) cần được hướng dẫn để tháo kính sát trùng ra trước khi sử dụng dung dịch GANFORT® và chờ ít nhất 15 phút sau khi nhỏ GANFORT® mới có thể mang lại kính sát trùng mềm.

### Cảnh báo và thận trọng chung

Cần hướng dẫn cho bệnh nhân tránh để đầu của lọ thuốc tiếp xúc với mắt hoặc các cấu trúc xung quanh mắt để tránh tổn thương mắt và nhiễm bẩn thuốc nhỏ mắt.

Chất benzalkonium chlorid trong GANFORT® (đa liều) có thể được hấp thụ và gây đổi màu kính sát trùng mềm.

Benzalkonium chlorid trong GANFORT® đã được xác định là an toàn cho mắt bằng 2 nghiên cứu tiền lâm sàng về độc tính ở mắt khi dùng GANFORT® và giả được có chứa 0,005% benzalkonium chlorid. Các nghiên cứu này đã cho thấy không có tác dụng phụ ở kết mạc hoặc giác mạc bằng cách kiểm tra mắt và mô bệnh học vì thế.

### Sử dụng cho trẻ em

An toàn và hiệu quả của GANFORT® chưa được chứng minh trên bệnh nhân nhi.

### Sử dụng ở người cao tuổi

Chưa quan sát thấy sự khác biệt tổng thể về độ an toàn và hiệu quả giữa các bệnh nhân cao tuổi và bệnh nhân người lớn khác.



#### Bimatoprost

Ảnh hưởng trong các nghiên cứu phi lâm sàng chỉ được quan sát ở các mức tiếp xúc được xem là đủ vượt quá mức tiếp xúc tối đa đối với người cho thấy ít có ý nghĩa đối với việc sử dụng lâm sàng.

Không quan sát thấy các tác dụng ở chuột nhắt được dùng bimatoprost 4 mg/kg/ngày uống trong 3 tháng. Liều này tạo ra AUC<sub>0-24</sub> tối đa cao hơn gấp khoảng 1000 lần so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%. Chuột nhắt cái được cho dùng liều uống 8 mg/kg/ngày cho thấy sự tăng sinh tế bào bạch huyết tuyến ức có hồi phục. Kết quả này chỉ quan sát thấy ở chuột nhắt và AUC<sub>0-24</sub> tối đa cao hơn gấp khoảng 3000 lần so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%.

Giảm tiêu thụ thức ăn và tăng alanin aminotransferase (ALT) và aspartat aminotransferase (AST) đã được quan sát thấy ở chuột cống đực được cho dùng  $\geq 8$  mg/kg/ngày trong 13 tuần. Giảm thể trọng và tăng thể trọng có hồi phục đã được quan sát thấy ở cả hai giống với liều  $\geq 4$  mg/kg/ngày. Tăng trọng lượng buồng trứng có hồi phục kèm theo chậm thoái hóa hoàng thể đã được ghi nhận chỉ ở chuột cái dùng  $\geq 4$  mg/kg/ngày. Các tác dụng trên buồng trứng chỉ được quan sát thấy trong các nghiên cứu với chuột cống chưa sinh đẻ và vì những tác dụng này không thấy ở các loài khác hoặc chuột cống mang thai cho thấy là bimatoprost có thể ảnh hưởng duy nhất đến chu kỳ hoàng thể ở chuột cống chưa sinh đẻ. Những kết quả này được quan sát thấy ở AUC<sub>0-24</sub> cao hơn ít nhất gấp 11.000 lần so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%. Tính đặc hiệu loài và các giới hạn tiếp xúc đáng kể chỉ ra rằng nguy cơ ảnh hưởng đến buồng trứng ở người là không đáng kể. Không có những tác dụng liên quan đến thuốc ở cả hai giống với liều 0,1 mg/kg/ngày. Đã quan sát thấy sự giảm nhẹ (9%) về thể trọng ở chuột cống cái (2 mg/kg/ngày) so với nhóm đối chứng trong nghiên cứu 1 năm trên chuột cống. Có sự tăng nhẹ về hoạt tính của transaminase (khoảng 3 lần) ở chuột đực trong tất cả các nhóm liều nhưng những thay đổi này không liên quan với bất kỳ tổn thương mô bệnh học nào và khả năng phục hồi là rõ ràng. Các tác dụng đến buồng trứng và gan có hồi phục và được xem là đặc hiệu loài vì những thay đổi này không được quan sát thấy ở chuột nhắt và khi với mức tiếp xúc toàn thân cao hơn lên đến gấp 8500 đến 99000 lần theo thứ tự tương ứng, so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%.

Các tác dụng quanh mắt cũng đã được quan sát thấy khi tiêm tĩnh mạch 0,01 mg/kg/ngày ở khỉ trong 17 tuần. Tiêm tĩnh mạch 0,01 mg/kg/ngày tạo ra AUC<sub>0-24</sub> cao hơn gấp khoảng 1600 lần so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%. Các tác dụng quanh mắt qua đi sau khi ngừng điều trị. Không phát hiện thấy các bất thường về chức năng hoặc giải phẫu của mắt. Nguyên nhân cơ bản của sự nổi bật của rãnh mí mắt và rộng khe mí mắt quan sát thấy khi dùng tại mắt và tiêm tĩnh mạch cho khỉ chưa được biết. Vì các thay đổi quanh mắt được quan sát thấy với bimatoprost dùng cả tại mắt và tiêm tĩnh mạch, những nghiên cứu này cho thấy có những tác dụng đặc hiệu thụ thể tại chỗ là cơ sở của những tác dụng quanh mắt ở khỉ.

#### Timolol

Timolol maleat được dùng đường uống cho chuột cống hoặc chó với các liều đến 50 mg/kg/ngày trong thời gian lên đến 4 tháng đã không gây ra độc tính liên quan đến thuốc.

#### Các nghiên cứu về khả năng gây ung thư và độc tính gen

Bimatoprost không có khả năng gây ung thư ở chuột nhắt hoặc chuột cống khi được dùng bằng cách đưa qua ống vào da dày bằng đường miệng với các liều đến 2 mg/kg/ngày ở chuột nhắt và 1 mg/kg/ngày ở chuột cống trong 104 tuần cho các trị số AUC cao hơn gấp khoảng 1300 lần và 2000 lần so với trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%.

Trong một nghiên cứu 2 năm với timolol maleat được dùng đường uống cho chuột cống, có sự tăng có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ u tế bào ưa crôm tuyến thượng thận ở chuột cống đực được dùng 300 mg/kg/ngày. Liều này gấp khoảng 510.000 lần liều hàng ngày của bimatoprost 0,03%/timolol 0,5% ở người.

Cả bimatoprost và timolol maleat đều không được xem là có nguy cơ về độc tính gen, dựa trên các kết quả của một loạt các xét nghiệm toàn diện về độc tính gen. Bimatoprost không gây đột biến hoặc gây gây nhiễm sắc thể trong thử nghiệm Ames, thử nghiệm u lympho ở chuột nhắt hoặc ở thử nghiệm vi nhân *in vivo* ở chuột nhắt. Timolol maleat không có tiềm năng gây đột biến khi được thử nghiệm *in vivo* (chuột nhắt), trong thử nghiệm vi nhân và thử nghiệm về phát sinh tế bào (các liều lên đến 800 mg/kg) và trong thử nghiệm biến đổi tế bào khối u tân sinh *in vitro* (lên đến 100 µg/ml). Trong thử nghiệm Ames, nồng độ cao nhất của timolol đã được sử dụng là 5.000 hoặc 10.000 µg/đĩa, có liên quan với sự tăng các thể hồi biến (revertants) có ý nghĩa thống kê được quan sát thấy với chủng thử nghiệm TA 100 (trong 7 thử nghiệm sao chép) nhưng không thấy ở 3 chủng còn lại. Trong thử nghiệm với chủng thử nghiệm TA 100, không quan sát thấy mối quan hệ đáp ứng phù hợp liều và tỷ lệ thể hồi biến của mẫu thử nghiệm trên mẫu đối chứng không đạt đến 2. Một tỷ lệ bằng 2 thường được xem là tiêu chuẩn cho thử nghiệm Ames dương tính.

#### Các nghiên cứu về khả năng sinh sản

Trong nghiên cứu về khả năng sinh sản và sự phát triển sớm của phôi ở chuột cống, không có các tác dụng nào liên quan đến thuốc khi dùng bimatoprost với liều lên đến 0,6 mg/kg/ngày trên hiệu suất sinh sản của chuột đực hoặc chuột cái, độc tính đối với chuột cống bố hoặc mẹ, các thông số phân tích tinh trùng, các thông số về sự làm tổ ở tử cung hoặc khả năng sống của phôi. Liều cao nhất đã tạo ra C<sub>max</sub> cao hơn gấp 160 lần so với ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%. Mặc dù AUC<sub>0-24</sub> đối với liều 0,6 mg/kg/ngày không được xác định trong nghiên cứu đặc biệt này, ở nghiên cứu này nó có thể được suy ra là cao hơn gấp 710 lần trị số ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng từ các dữ liệu tiếp xúc thuốc trong nghiên cứu về sự phát triển phôi.

Các nghiên cứu về sinh sản và khả năng sinh sản đối với timolol ở chuột cống cho thấy không có tác dụng bất lợi nào trên khả năng sinh sản của chuột đực hoặc cái ở các liều lên đến 5100 lần liều hàng ngày của dạng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5% ở người.

#### Các nghiên cứu về sự phát triển của phôi-thai

Trong một nghiên cứu về sự phát triển của phôi-thai ở chuột nhắt CD-1 được dùng bimatoprost 0,3 và 0,6 mg/kg/ngày đường uống, độc tính đối với chuột mẹ được thấy rõ ràng dưới dạng một tỷ lệ phần trăm nhỏ về sảy thai muộn (ngày 16-17) và đẻ non. Không có độc tính đối với chuột mẹ xảy ra ở liều bimatoprost 0,1 mg/kg/ngày (C<sub>max</sub> cao hơn gấp 28 lần so với người được dùng chế độ điều trị lâm sàng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%). Liều thấp nhất cho thấy độc tính đối với chuột mẹ (bimatoprost 0,3 mg/kg/ngày) có AUC<sub>0-24</sub> cao hơn gấp 220 lần so với ở người được dùng chế độ điều trị lâm sàng. Nồng độ không quan sát thấy tác dụng có hại (NOAEL) ở phôi-thai là bimatoprost 0,6 mg/kg/ngày, tạo ra AUC<sub>0-24</sub> cao hơn gấp 490 lần so với người được dùng chế độ điều trị lâm sàng.

Các nghiên cứu về tính gây quái thai với timolol trên chuột nhắt, chuột cống và thỏ với các liều uống lên đến 50 mg/kg/ngày (gấp 8.600 lần liều hàng ngày của bimatoprost 0,03%/timolol 0,5% ở người) cho thấy không có bằng chứng về dị dạng thai. Mặc dù chậm cốt hóa xương ở thai đã được quan sát thấy ở liều này trên chuột cống, không có các tác dụng bất lợi trên sự phát triển của con sau sinh. Liều 1000 mg/kg/ngày (gấp 170.000 lần liều hàng ngày của bimatoprost 0,03%/timolol 0,5% ở người) gây độc cho động vật mẹ ở chuột nhắt và dẫn đến tăng số lượng tiêu thai.

#### Các nghiên cứu trước sinh và sau sinh

Trong nghiên cứu về sự phát triển trước sinh và sau sinh, điều trị chuột cống thể hệ F<sub>1</sub> bằng bimatoprost  $\geq 0,3$  mg/kg/ngày đã ảnh hưởng đến thời kỳ mang thai và sự phát triển trước sinh, biểu hiện dưới dạng thời kỳ mang thai kéo dài, tiêu thai muộn, tử vong thai, tử vong sau sinh và giảm thể trọng của chuột con. Ở liều bimatoprost 0,6 mg/kg/ngày, đã quan sát thấy giảm số lứa đẻ ở vật mẹ, chỉ số thai nghén và số lứa đẻ được bú mẹ. Không quan sát thấy ảnh hưởng nào đến sự phát triển sau sinh và hiệu suất giao phối của con thể hệ F<sub>1</sub> ở liều bimatoprost 0,1 mg/kg/ngày là liều tạo ra mức tiếp xúc gấp 94 lần mức tiếp xúc ở người (AUC<sub>0-24</sub>). Những thông số này bị ảnh hưởng nhẹ ở liều 0,3 mg/kg/ngày là liều tạo ra mức tiếp xúc gấp 280 lần mức tiếp xúc ở người khi dùng dạng phối hợp bimatoprost 0,03%/timolol 0,5%. Chức năng hành vi thần kinh, thủ thuật mở tử cung và lứa đẻ ở chuột cống thể hệ F<sub>1</sub> không bị ảnh hưởng bởi các liều cao bimatoprost 0,3 mg/kg/ngày.

#### QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Dung dịch nhỏ mắt GANFORT® được chứa trong lọ nhựa màu trắng đục 3 mL có đầu nhỏ giọt.

Hộp 1 lọ 3 mL.

#### BẢO QUẢN

Bảo quản dưới 30°C. Giữ lọ thuốc trong hộp carton.

Không dùng thuốc quá 4 tuần sau khi mở.

Thuốc vô khuẩn khi dấu niêm phong còn nguyên vẹn.

**Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên bao bì.**

#### HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

#### TIÊU CHUẨN THÀNH PHẨM: TCCS.

#### SẢN XUẤT BỞI:

Allergan Pharmaceuticals Ireland

Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland.

© 2023 Allergan. Tất cả bản quyền thuộc công ty Allergan.

Tất cả các thương hiệu là tài sản riêng của chủ sở hữu tương ứng.

Ngày sửa đổi: 22-06-2023.